

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ


A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,471,714,633,760	3,694,961,323,131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		55,012,214,707	19,207,428,717
1. Tiền	111	V.1	12,512,214,707	18,707,428,717
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b	42,500,000,000	500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	3,686,526,500	2,732,366,700
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4,893,028,550	4,893,028,550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1,206,502,050)	(2,160,661,850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		765,487,626,289	723,400,995,850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	652,931,825,252	557,620,676,278
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31,951,767,255	14,331,649,832
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		49,200,353,578	142,673,072,406
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	40,672,819,214	15,741,300,586
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,269,139,010)	(6,965,703,252)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3,363,293,056,328	2,769,602,365,185
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3,363,293,056,328	2,769,602,365,185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284,235,209,936	180,018,166,679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	3,735,782,872	3,735,782,872
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.14b	275,380,278,882	174,833,428,254
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	5,119,148,182	1,448,955,553
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			


B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,335,463,410,679	2,328,130,524,265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		599,663,611,353	695,559,797,709
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	593,604,224,099	689,398,717,164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	6,059,387,254	6,161,080,545
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		35,004,791,891	36,068,785,895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	28,448,227,601	29,427,907,883
- Nguyên giá	222		51,002,695,283	45,969,990,509
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22,554,467,682)	(16,542,082,626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6,556,564,290	6,640,878,012
- Nguyên giá	228		7,821,692,743	7,821,692,743
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,265,128,453)	(1,180,814,731)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	1,374,519,985
- Nguyên giá	231		-	2,409,271,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(1,034,751,015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1,533,822,409,742	1,420,885,096,776
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1,524,123,442,313	1,410,634,260,829
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9,698,967,429	10,250,835,947
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	165,605,728,822	169,839,913,966
1. Đầu tư vào công ty con	251		114,370,000,000	114,370,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16,635,910,000	16,635,910,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53,460,000,000	53,460,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(18,860,181,178)	(14,625,996,034)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,366,868,871	4,402,409,934
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	1,189,908,171	4,225,449,234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	176,960,700	176,960,700
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6,807,178,044,439	6,023,091,847,396



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5,868,886,551,086	4,904,706,770,127
I. Nợ ngắn hạn	310		5,343,596,487,489	4,400,700,608,471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3,593,817,267,949	2,631,768,750,574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		523,340,178,977	339,682,050,806
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14		23,724,343,783
4. Phải trả người lao động	314		1,594,353,214	1,628,916,773
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	265,333,366,252	591,817,972,804
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	239,207,998,871	235,261,195,848
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 12	720,462,940,886	576,489,277,914
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	328,099,969	328,099,969
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(487,718,629)	-
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		525,290,063,597	504,006,161,656
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	25,435,300,000	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		14,512,072,969	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	2,304,552,201	2,678,849,264
7. Phải trả dài hạn khác	337		6,480,469,114	6,402,560,471
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 12,18	476,557,669,313	494,924,751,921
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	938,291,493,353	1,118,385,077,269
I. Vốn chủ sở hữu	410	938,291,493,353	1,118,385,077,269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4,640,739,814	4,640,739,814
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	41,869,524,647	41,869,524,647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(110,059,894,948)	70,033,688,968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(37,255,349,260)	70,033,688,968
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(72,804,545,688)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	6,807,178,044,439	6,023,091,847,396

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015


 Đỗ Ngọc Yên
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng



 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG**6 tháng đầu năm 2015**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	VI.1	183,479,064,989	521,001,928,889	374,046,967,638	675,163,619,041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	[02]	VI.2	1,856,339,159	51,050,979,360	12,567,556,830	153,286,561,672
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	[10]		181,622,725,830	469,950,949,529	361,479,410,808	521,877,057,369
4. Giá vốn hàng bán	[11]	VI.3	177,390,996,236	443,354,735,750	350,750,785,417	491,924,340,814
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	[20]		4,231,729,594	26,596,213,779	10,728,625,391	29,952,716,555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	[21]	VI.4	6,729,705,111	8,129,772,048	7,174,425,769	8,852,604,118
7. Chi phí tài chính	[22]	VI.5	49,437,595,502	13,748,968,766	62,651,911,441	19,968,439,252
- Trong đó: Chi phí lãi vay	[23]		21,436,405,060	10,980,736,773	34,281,284,994	17,192,376,578
8. Chi phí bán hàng	[25]	VI.8a	9,219,005,121	9,864,025,363	16,771,649,027	27,077,136,214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[26]	VI.8b	7,633,366,134	6,583,592,789	12,025,496,266	12,584,015,780
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	[30]		(55,328,532,052)	4,529,398,909	(73,546,005,574)	(20,824,270,573)
11. Thu nhập khác	[31]	VI.6	11,283,057	(85,356,414)	2,902,015,308	8,748,895,927
12. Chi phí khác	[32]	VI.7	383,521,994	312,332,117	2,160,555,422	1,371,980,942
13. Lợi nhuận khác	[40]		(372,238,937)	(397,688,531)	741,459,886	7,376,914,985
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	[50]		(55,700,770,989)	4,131,710,378	(72,804,545,688)	(13,447,355,588)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[51]					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	[52]					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[60]		(55,700,770,989)	4,131,710,378	(72,804,545,688)	(13,447,355,588)

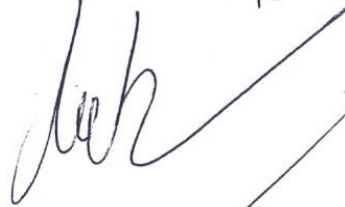
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[70]				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	[71]				

Người lập biểu



Đỗ Ngọc Yên

Kế toán trưởng



Lý Thị Bình

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27 Lôi Đường Đồng Khởi Hòa Phú TP TDM BD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG

(Theo Phương pháp Trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		485,127,144,961	906,461,677,016
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(505,468,842,991)	(492,714,774,461)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,465,446,131)	(20,598,229,301)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(34,410,536,251)	(17,155,702,450)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(27,532,269,562)	(40,578,317,766)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		137,248,937,422	69,610,506,015
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		227,391,748,180	(243,907,872,430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		267,890,735,628	161,117,286,623
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(2,300,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		153,974,402	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38,000,000,000	2,516,087,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			300,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,274,228,669	533,614,366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40,571,796,929)	1,049,701,366
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		12,426,972,889	3,542,527,743
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(203,941,125,598)	(178,931,257,439)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(23,240,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(191,514,152,709)	(175,411,969,696)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		35,804,785,990	(13,244,981,707)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19,207,428,717	40,849,301,067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		55,012,214,707	27,604,319,360

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015



Đỗ Ngọc Yến



Lý Thị Bình

Đoàn Văn Thuận



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Văn phòng Công ty có 254 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 270 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 theo các thông tư sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo **Thông tư số 200/2014/TT-BTC** và **Thông tư số 202/2014/TT-BTC** ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ trong 05 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,.... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.375 VND/USD
30/06/2015 : 21.780 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.119.288.948	1.314.409.711
Tiền gửi ngân hàng	11.392.925.759	17.393.019.006
Cộng	<u>12.512.214.707</u>	<u>18.707.428.717</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Cuối kỳ (30/06/2015)			Đầu năm (01/01/2015)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu: <i>Cty cổ phần khoáng sản Becamex (433.709 cổ phiếu BMJ)</i>	4.893.028.550	3.686.526.500	1.206.502.050	4.893.028.550	2.732.366.700	2.160.661.850
CỘNG	4.893.028.550	3.686.526.500	1.206.502.050	4.893.028.550	2.732.366.700	2.160.661.850

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Cuối kỳ (30/06/2015)		Đầu năm (01/01/2015)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	42.500.000.000	42.500.000.000	500.000.000	500.000.000
CỘNG	42.500.000.000	42.500.000.000	500.000.000	500.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Cuối kỳ (30/06/2015)			Đầu năm (01/01/2015)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con:						
1) Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000		18.757.245.765	36.000.000.000		14.523.060.621
2) Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	11.050.000.000			11.050.000.000		
3) Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.660.000.000			15.660.000.000		
4) Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(iv)	51.660.000.000			51.660.000.000		
CỘNG	114.370.000.000		18.757.245.765	114.370.000.000		14.523.060.621
- Đầu tư vào công ty liên doanh						
1) Công ty TNHH Sinviet ^(v)	2.235.910.000			2.235.910.000		
2) Trường Đại học quốc tế Miền Đông ^(vi)	14.400.000.000		70.217.159	14.400.000.000		70.217.159
CỘNG	16.635.910.000		70.217.159	16.635.910.000		70.217.159
- Đầu tư vào đơn vị khác:						
1) Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản ^(vii)	7.000.000.000			7.000.000.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

			32.718.254			32.718.254
2) Công ty cổ phần dược Becamex ^(viii)	1.020.000.000			1.020.000.000		
3) Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(xi)	30.800.000.000			30.800.000.000		
4) Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức I ^(x)	14.640.000.000			14.640.000.000		
CỘNG	53.460.000.000		32.718.254	53.460.000.000		32.718.254

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 14.016.850.000 VND, tương đương 77,07% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2014 Công ty nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận bằng cổ phiếu - số tiền là 2.966.850.000 VND tương ứng 296.685 cổ phiếu. Sự kiện này làm cho số cổ phiếu đầu tư của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt tăng từ 1.105.000 cổ phiếu lên 1.401.685 cổ phiếu.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty đầu tư vào Cty CP đầu tư và kinh doanh bất động sản 7.000.00.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.
- (viii) Công ty đầu tư vào Cty CP dược Becamex 1.020.000.000 VND, tương đương 2,48% vốn điều lệ.
- (ix) Công ty đầu tư vào Cty CP bệnh viện Mỹ Phước 30.800.000.000 VND, tương đương 17% vốn điều lệ.
- (x) Công ty đầu tư vào Cty CP bê tông ly tâm Thủ Đức 1 là 14.640.00.000 VND, tương đương 18.3% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn:	652.931.825.252	557.620.676.278
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		-
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Bất động sản)	366.916.225.761	367.261.194.706
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Vật tư)	286.015.599.491	190.359.481.572
b) Phải thu của khách hàng dài hạn:	593.604.224.099	689.398.717.164
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:	347.376.681.968	347.376.681.968
+ CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT PHÁT	184.366.452.958	184.366.452.958
+ CTY TNHH XD DV TM TRẦN LONG	163.010.229.010	163.010.229.010
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Bất động sản)	234.227.542.131	325.622.035.196
- Các khoản phải thu khách hàng khác (Vật tư)	12.000.000.000	16.400.000.000

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)	Cuối kỳ	Đầu năm
+ CÔNG TY LD TNHH KCN VN-SINGAPORE	3.278.276.802	3.278.276.802
+ CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ BD	185.399.790	185.399.790
+ CÔNG TY CỔ PHẦN XD VÀ GIAOTHÔNG BÌNH DƯƠNG	4.051.210.308	
+ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MIỀN ĐÔNG	13.192.291.202	13.192.291.202
+ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DV ĐẦU TƯ		2.528.575
+ CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MỸ PHƯỚC	10.367.064.625	10.207.064.625
+ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT	47.621.989.936	41.268.957.399
+ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BECAMEX	11.890.155.155	11.000.000.000
+ CÔNG TY CỔ PHẦN CỬA SỔ MÙA XUÂN	43.734.535.181	40.941.897.711
+ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX IJC	10.575.004	11.753.391
+ CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX	943.544.490	
CỘNG	135.275.042.493	120.088.169.495

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	40.672.819.214		15.741.300.586	
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.693.622.695		5.307.824.265	
+ Tạm ứng cho nhân viên	29.619.442.930		9.144.470.323	
+ Phải thu khác.	359.753.589		1.289.005.998	
b) Dài hạn	6.059.387.254		6.161.080.545	
+ Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza	821.737.526		1.124.852.450	
+ Ký cược, ký quỹ;	1.001.782.240		817.294.840	
+ Lệ phí trước bạ phải thu	979.371.079		866.012.230	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tạm ứng vốn hoạt động (Cty Sin -Viet)	649.003.039		649.003.039	
+ Thuế GTGT đầu ra	2.607.493.370		2.290.227.184	
+ Phải thu khác.			413.690.802	
Tổng Cộng	46.732.206.468		21.902.381.131	

5. Nợ xấu

Cuối năm			Đầu năm		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi; (chiếm 10%):					
3.599.519.099		CTY CP TM DV - XD HOÀNG DUYÊN	3.599.519.099		CTY CP TM DV - XD HOÀNG DUYÊN
1.314.205.994		CTY TNHH TM DV CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG ĐẠI QUANG LONG	1.314.205.994		CTY TNHH TM DV CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG ĐẠI QUANG LONG
4.913.725.093			4.913.725.093		

6. Hàng tồn kho:	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	748.634.274		776.966.082	
- Công cụ, dụng cụ;	54.545.455		1.327.272	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	2.091.610.537.098		1.961.029.052.492	
- Thành phẩm bất động sản	765.105.106.454		317.244.904.811	
- Hàng hóa;	505.774.233.047		490.550.114.528	
CỘNG	3.363.293.056.328		2.769.602.365.185	

7. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	1.524.123.442.313		1.410.634.260.829	
b. Xây dựng cơ bản dở dang	9.698.967.429		10.250.835.947	
- Mua sắm	4.969.636.364		8.614.584.818	
- XDCB	4.729.331.065		1.636.251.129	
- Sửa chữa	-		-	
Cộng	1.533.822.409.742		1.420.885.096.776	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

DIỄN GIẢI	NHÀ CỬA VKT 2111	MÁY MÓC THIẾT BỊ 2112	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN 2113	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ 2114	TSCĐ KHÁC	CỘNG
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.882.413.267	3.797.253.035	13.209.568.487	997.494.635	83.261.085	45.969.990.509
Mua sắm mới				127.103.000		127.103.000
Đầu tư XD CB hoàn thành						
Tăng do điều chuyển nội bộ	0	0	6.336.401.774	0		6.336.401.774
Tăng khác	0	0	0	0		0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	1.430.800.000	0		1.430.800.000
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Giảm khác						
Số cuối năm	27.882.413.267	3.797.253.035	18.115.170.261	1.124.597.635	83.261.085	51.002.695.283
Trong đó :						
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.706.411.133	161.904.762	1.879.756.642	596.222.762	83.261.085	4.427.556.384
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.826.575.848	1.454.950.050	6.358.043.577	819.252.066	83.261.085	16.542.082.626
Khấu hao trong năm	1.595.294.514	296.968.776	1.093.609.773	49.642.993		3.035.516.056
Tăng do điều chuyển nội bộ	0	0	3.144.071.784	0		3.144.071.784
Thanh lý, nhượng bán	0	0	167.202.784	0		167.202.784
Giảm do điều chuyển nội bộ						
Giảm khác						
Số cuối năm	9.421.870.362	1.751.918.826	10.428.522.350	868.895.059	83.261.085	22.554.467.682
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	20.055.837.419	2.342.302.985	6.851.524.910	178.242.569		29.427.907.883
Số cuối năm	18.460.542.905	2.045.334.209	7.686.647.911	255.702.576	0	28.448.227.601

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Diễn giải	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Mua sắm mới			
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
Tăng do hợp nhất kinh doanh			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.004.533.980	176.280.751	1.180.814.731
Khấu hao trong năm	76.293.720	8.020.002	84.313.722
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm	1.080.827.700	184.300.753	1.265.128.453
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.624.838.020	16.039.992	6.640.878.012
Số cuối năm	6.548.544.300	8.019.990	6.556.564.290

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Diễn giải	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	2.409.271.000	0	2.409.271.000	0
Quyền sử dụng đất	2.409.271.000		2.409.271.000	0
Nhà				
Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	1.034.751.015	0	1.034.751.015	0
Quyền sử dụng đất	1.034.751.015		1.034.751.015	0
Nhà				

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	1.374.519.985	0	1.374.519.985	0
Quyền sử dụng đất	1.374.519.985		1.374.519.985	0
Nhà				
Nhà và quyền sử dụng đất				
Cơ sở hạ tầng				

Trong quý I năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương cho khách hàng Nguyễn Đức Minh.

11. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	3.735.782.872	3.735.782.872
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	3.735.782.872	3.735.782.872
b) Dài hạn	1.189.908.171	4.225.449.234
Chi phí thuê văn phòng	977.854.166	142.264.454
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	66.012.344	67.758.262
Phí phát hành trái phiếu		4.004.848.486
Phí sửa chữa văn phòng bất động sản		10.578.032
Các khoản khác	146.041.661	-
Cộng	4.925.691.043	7.961.232.106

12. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn ^(a,b,c)	720.462.940.886		330.914.788.570	186.941.125.598		576.489.277.914
b. Vay dài hạn ^(i,ii)	84.588.583.363		6.663.831.442	17.000.000.000		94.924.751.921
Cộng	805.051.524.249		337.578.620.012	203.941.125.598		671.414.029.835

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng và nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng và nhân công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VNĐ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương để mua sắm lại dự án Nhà máy sản xuất bê tông Sóng Thần 3 và Mỹ Phước 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình.

13. Phải trả người bán

CHỈ TIÊU	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Gía trị	Khả năng trả nợ	Gía trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.593.817.267.949		2.631.768.750.574	
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	3.240.432.613.074		2.216.800.571.074	
+ CTY CP KD & ĐT Bình Dương	1.766.502.482.217		1.766.502.482.217	
+ Tổng công ty Đầu tư & Phát triển công nghiệp-TNHH MTV	1.473.930.130.857		450.298.088.857	
- Phải trả cho các đối tượng khác	353.384.654.875		414.968.179.500	
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	25.435.300.000			
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;				
Cộng	3.619.252.567.949		2.631.768.750.574	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán:	1.483.610.305.513		1.037.790.911.591	
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số quá hạn;	1.252.514.522.759		875.334.000.000	
+ CTY CP KD & ĐT BÌNH DƯƠNG	875.334.000.000		875.334.000.000	
+ Tổng công ty Đầu tư & Phát triển công nghiệp-TNHH MTV	377.180.522.759			
- Các đối tượng khác	231.095.782.754		162.456.911.591	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Phải trả người bán là các bên liên quan	3.388.631.853.545		2.390.855.164.844	
+ CTY CP CÂU LẠC BỘ BÓNG ĐÁ BD	120.000.000		120.000.000	
+ TỔ NG CTY ĐT & PT CN –TNHH MTV	1.499.365.430.857		450.298.088.857	
+ CTY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX	83.453.617.548		121.453.617.548	
+ CTY TNHH MTV CTN MÔI TRƯỜNG BD	124.509.365		124.509.365	
+ CTY CP XI MĂNG HTKG BECAMEX	8.664.288.973		5.982.646.473	
+ CTY CP CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG VN	4.123.617.650		4.151.872.830	
+ CTY CP KD VÀ ĐT BÌNH DƯƠNG	1.766.502.482.217		1.766.502.482.217	
+ CTY CP BÈ TÔNG BECAMEX			72.138.330	
+ CTY CP TV ĐT XD VIỆT	7.129.025.953		32.345.650.264	
+ CTY CP KHOÁNG SẢN BECAMEX	17.999.361.182		9.490.274.410	
+ CTY CP VLXD BECAMEX	1.149.519.800		433.884.550	

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a. Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	(844.018.953)			(844.018.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.673.417.899	-	(27.532.269.562)	(3.858.851.663)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884	-	(15.319.800)	35.606.084
Thuế thu nhập cá nhân	(604.936.600)	153.052.950	-	(451.883.650)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Cộng	22.275.388.230	163.052.950	(27.557.589.362)	(5.119.148.182)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Phải thu				
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	174.833.428.254	136.385.289.999	(35.838.439.371)	275.380.278.882
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	396.489.812	(396.489.812)	-
Cộng	174.833.428.254	136.781.779.811	(36.234.929.183)	275.380.278.882

15. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	265.333.366.252	591.817.972.804
- Trích trước lãi vay tạm tính đến ngày 30/06/2015	839.632.128	419.601.696
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán;	197.217.184.725	573.231.165.070
- Các khoản trích trước liên quan công trình ngoài	46.510.181.166	962.660.988
- Lãi trả chậm cô tức cho Becamex IDC	20.766.368.233	17.204.545.050
- Các khoản trích trước khác	-	-
b) Dài hạn		
Cộng	265.333.366.252	591.817.972.804

16. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	239.207.998.871	235.261.195.848
Kinh phí công đoàn;	350.003.019	211.632.644
Bảo hiểm xã hội;	453.733.202	47.673.333
Bảo hiểm y tế;	159.252.149	104.010.847
Bảo hiểm thất nghiệp;	43.083.394	18.399.787
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	-	-
Tiền đặt chỗ nhà ASXH Định Hòa	6.743.458.010	4.680.000.000
Thu tiền độ nhà ASXH Định Hòa	7.171.318.000	1.010.602.000
Tiền chi thanh lý HĐ cho khách hàng	22.896.920.813	27.124.671.144
Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	199.802.865.392	200.503.365.392
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.587.364.892	1.560.840.701
b) Dài hạn	6.480.469.114	6.402.560.471
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	259.989.000	154.989.000
Thu 2% phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.745.343.034	5.664.431.391
Các khoản phải trả, phải nộp khác	475.137.080	583.140.080
TỔNG CỘNG	245.688.467.985	241.663.756.319

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Doanh thu lãi trả góp chung cư Phú Mỹ	2.304.552.201	2.678.849.264
Cộng	2.304.552.201	2.678.849.264

18. Trái phiếu phát hành	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
<i>Trái phiếu thường</i>						
- Loại phát hành theo mệnh giá	391.969.085.950	(*)	5 năm	400.000.000.000	(*)	5 năm
- Loại phát hành có chiết khấu						
- Loại phát hành có phụ trội						
Cộng	391.969.085.950			400.000.000.000		

(*) Trái phiếu phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên.

- Ngày phát hành: 27/12/2014
- Ngày đáo hạn: 27/12/2019
- Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần
- Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (6 tháng/lần) và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%/năm.

- Tài sản Bảo đảm: là 16 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công Nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Chủ sở hữu là Tổng Công ty đầu tư và Phát triển công nghiệp – TNHH Một thành viên (Becamex IDC).

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa BĐS	328.099.969	328.099.969
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng dự án ngoài	-	-
Cộng	328.099.969	328.099.969

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	176.960.700	176.960.700
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Cộng	176.960.700	176.960.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (Becamex IDC)	607.005.000.000	607.005.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	392.995.000.000	392.995.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		139.936.771.800

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>

+ *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)*

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng*

đ) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 10%/mệnh giá
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 10%/mệnh giá
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</i>	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển:	41.869.524.647	41.869.524.647
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.		
CỘNG	41.869.524.647	41.869.524.647

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	284.694.323.718	236.338.818.239
Doanh thu bán thành phẩm		4.727.972.456
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.807.249.914	248.074.882.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.688.156.494	1.027.419.083
Doanh thu thi công xây dựng	78.857.237.512	184.994.527.052
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ:</i>	<i>78.857.237.512</i>	<i>184.994.527.052</i>
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính</i>	<i>217.021.550.480</i>	<i>309.077.870.040</i>
CỘNG	374.046.967.638	675.163.619.041
<i>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng công ty ĐT và PT CN – TNHH MTV	100.009.169.629	140.436.288.592
- Công Ty CP Xây Dựng Và Giao Thông Bình Dương	1.157.162.845	
- Công Ty CP TV DV Đầu Tư	7.892.000	
- Công Ty CP Bệnh Viện Mỹ Phước	145.454.545	68.327.472.183
- Công Ty CP Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật Becamex	11.741.373	
- Công Ty CP Bê Tông Becamex	276.430.837	
- Công Ty CP TV ĐT XD Việt	33.268.092.722	39.801.171.895
- Công Ty CP Cửa Sổ Mùa Xuân	3.902.397.700	14.123.092.205
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12.567.556.830	153.286.561.672
<i>a) Hàng bán bị trả lại:</i>	<i>12.567.556.830</i>	
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>		<i>72.355.362</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	12.567.556.830	153.214.206.310
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thi công xây dựng:		
b) Chiết khấu thương mại:		
c) Giảm giá hàng bán:		

3. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	277.475.830.312	229.184.694.400
Giá vốn thành phẩm		4.382.045.087
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã tiêu thụ	(4.926.718.756)	29.204.900.890
Giá vốn kinh doanh bất động sản	900.247.293	47.711.375.525
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.451.005.450	662.121.331
Giá vốn thi công xây dựng	75.850.421.118	180.779.203.581
Cộng	<u>350.750.785.417</u>	<u>491.924.340.814</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	159.227.778	129.639.584
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	63.170.666	169.634.984
Lãi bán các khoản đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.382.969.680	7.773.506.600
Lãi bán hàng trả chậm	374.297.063	476.146.570
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194.760.582	303.676.380
Cộng	<u>7.174.425.769</u>	<u>8.852.604.118</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	30.719.461.811	17.192.376.578
Chi phí trả lãi trái phiếu	24.266.666.667	
Chi phí lãi trả chậm cổ tức	3.561.823.183	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.044.773.128
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(954.159.800)	(1.963.408.785)
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	4.234.185.144	
Lỗ do thanh lý cổ phiếu		686.441.385
Chi phí khác	823.934.436	8.256.946
Cộng	<u>62.651.911.441</u>	<u>19.968.439.252</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.418.181.818	854.545.456
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình		9.186.907

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.470.153.050	7.884.540.732
Thu nhập khác	13.680.440	622.832
Cộng	<u>2.902.015.308</u>	<u>8.748.895.927</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.264.207.416	136.297.557
Phạt do vi phạm hợp đồng	896.099.438	1.225.347.989
Chi phí khác	248.568	10.335.396
Cộng	<u>2.160.555.422</u>	<u>1.371.980.942</u>

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>a) Chi phí bán hàng</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.341.623.572	8.162.163.741
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	14.538.346	402.915.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.280.429	1.877.348.498
Chi phí hoa hồng môi giới		4.226.447.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.912.834.666	3.383.969.149
Chi phí khác	4.641.372.014	9.024.292.353
Cộng	<u>16.771.649.027</u>	<u>27.077.136.214</u>

<i>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.185.864.769	5.005.287.356
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.798.692	449.597.494
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.258.549.349	1.238.756.154
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.582.071	910.919.998
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	2.303.435.758	
Chi phí khác	2.155.265.627	4.979.454.778
Cộng	<u>12.025.496.266</u>	<u>12.584.015.780</u>

<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		276.025.106
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
Các khoản ghi giảm khác	71.576.275	55.560.847
Cộng	<u>71.576.275</u>	<u>331.585.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	397.180.666	3.442.280.003
Chi phí nhân công	11.830.958.341	13.627.006.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.119.829.778	3.131.818.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.098.825.781	4.303.996.407
Chi phí khác bằng tiền	9.375.487.034	18.648.316.565
Cộng	<u>30.822.281.600</u>	<u>43.153.418.166</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(72.804.545.688)	(13.447.355.588)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)		
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 - Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác :
- 2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm :
- 3 - Thông tin về các bên liên quan :
- 4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận theo quy định CMKT số 28 :
- 5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong BCTC của các niên độ kế toán trước):
- 6 - Thông tin về hoạt động liên tục :
- 7 - Những thông tin khác :

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015

 Đỗ Ngọc Yên Người lập biểu	 Lý Thị Bình Kế toán trưởng	  Đoàn Văn Thuận Tổng Giám đốc
---	---	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

						Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	132,107,259,234	1,180,458,647,535
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	86,811,728,704	86,811,728,704
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(8,885,298,970)	(8,885,298,970)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(140,000,000,000)	(140,000,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	70,033,688,968	1,118,385,077,269
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	70,033,688,968	1,118,385,077,269
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(72,804,545,688)	(72,804,545,688)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(7,289,038,228)	(7,289,038,228)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(100,000,000,000)	(100,000,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	-	-	-
Thu khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,640,739,814	41,869,524,647	(110,059,894,948)	938,291,493,353



Đỗ Ngọc Yến
Người lập biểu

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2015




Ly Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc